TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 22/2018/DS-ST
Ngày: 05/7/2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Văn Công Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Thiện và ông Trần La

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Hà Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 05/7/2018, tại phòng xử án B, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2018, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-DS ngày 14/6/2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1974;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ph: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1974; (Theo văn bản ủy quyền ngày 31/5/2018)

Cùng địa chỉ: Thôn 08, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

* Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn 08, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày như sau:

Vì là hàng xóm cạnh nhà nên bà Nguyễn Thị Th đã cho bà Lê Thị T vay mượn với tổng số tiền 23.000.000 đồng, chia làm các đợt, đó là:

- Ngày 24/01/2017 vay tổng số tiền là 12.000.000 đồng, chia làm 02 lần, lần thứ nhất vay 5.000.000 đồng, lần thứ hai vay 7.000.000 đồng;

- Ngày 26/01/2017, bà T vay số tiền 4.000.000 đồng;

- Ngày 22/02/2017, bà T tiếp tục vay số tiền 7.000.000 đồng.

Trong các lần vay tiền này, bà T đều nói với Th vay một thời ngắn sẽ trả và hai bên có thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất là bà T đưa bao nhiêu thì bà Th nhận bấy nhiêu, không yêu cầu lãi suất cụ thể. Nội dung trong giấy vay mượn tiền ngày 24/01/2017, ngày 26/01/2017 và ngày 22/02/2017 mà nguyên đơn dùng để làm căn cứ khởi kiện bị đơn là do nguyên đơn viết, bị đơn có ký xác nhận bên dưới.

Bà Th thừa nhận khi bà viết nội dung vay tiền ngày 24/01/2017, ngày 26/01/2017 và ngày 22/02/2017 không có viết nội dung về thời hạn trả nợ. Thực tế bà và bà T có thỏa thuận bằng miệng về thời hạn trả nợ của các khoản vay này là khoảng 03 đến 04 ngày. Mặc dù các khoản vay ngày 24/01/2017, ngày 26/01/2017 bà T chưa trả nợ nhưng vì là hàng xóm cạnh nhà tin tưởng nhau nên đến ngày 22/02/2017 bà Th tiếp tục cho bà T mượn thêm số tiền 7.000.000 đồng và cũng thỏa thuận bằng miệng về thời hạn trả nợ là 03 đến 04 ngày.

Do sau này bà T không có khả năng trả nợ nên có hẹn nguyên đơn đến mùa tiêu năm 2018 (tháng 3/2018) sẽ trả đầy đủ cho bà Th nên bà đồng ý và có viết thêm thời hạn trả nợ vào các khoản vay ngày 24/01/2017, ngày 26/01/2017, ngày 22/02/2017. Khi viết thêm nội dung này vào giấy vay nợ, có sự chứng kiến của bà T nên bà Th mới viết nội dung thời hạn trả nợ vào giấy vay và việc viết thêm thời hạn trả nợ trong các lần vay này là ghi cùng một lúc.

Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ tháng 3/2018, bà T vẫn không chịu trả cho bà Th số tiền gốc đã vay tổng cộng là 23.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn trả nợ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không thực hiện như cam kết.

Ngoài chứng cứ là "giấy vay tiền" dùng làm căn cứ khởi kiện và đã giao nộp cho Tòa án, nguyên đơn không còn chứng cứ nào khác. Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền gốc đã vay 23.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

* Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị T khai như sau:

Bà T và bà Nguyễn Thị Th là hàng xóm với nhau, bà thừa nhận vào các ngày 24/01/2017, ngày 26/01/2017 và ngày 22/02/2017 bà có vay của bà Th tổng số tiền là 23.000.000 đồng cụ thể như sau:

- Ngày 24/01/2017, vay số tiền là 12.000.000 đồng chia làm hai lần; lần 1 vay 5.000.000 đồng, lần 2 vay 7.000.000 đồng;

- Ngày 26/01/2017, vay số tiền 4.000.000 đồng;

- Ngày 22/02/2017, vay số tiền 7.000.000 đồng;

Trong các lần vay này, bị đơn xác nhận là vay trong khoảng thời gian từ 03 đến 04 ngày sẽ trả và bà Th đồng ý. Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất. Bà

T xác định các khoản vay ngày 24/01/2017, ngày 26/01/2017 và ngày 22/02/2017 bà đã trả đầy đủ cho bà Th, hình thức trả bằng hạt tiêu khô (do bà Th buôn bán nông sản và thường hay mua tiêu của gia đình bà). Khi trả vì tin tưởng nhau nên hai bên không lập giấy tờ biên nhận gì và cũng không có ai chứng kiến việc bà lấy tiêu hạt khô để trừ nợ cho bà Th qua các lần vay trên.

Bị đơn thừa nhận nội dung giấy vay mượn tiền ngày 24/01/2017, ngày 26/01/2017 và ngày 22/02/2017 mà nguyên đơn dùng làm căn cứ khởi kiện và cung cấp cho Tòa án là do nguyên đơn viết, bị đơn ký xác nhận toàn bộ bên dưới trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Tuy nhiên, trong nội dung của các lần vay này, khi vay không có thể hiện nội dung về lãi suất và thời hạn trả nợ. Nay bà Th cung cấp cho Tòa tài liệu chứng cứ vay mượn có thể hiện nội dung về lãi suất và thời hạn trả nợ thì bị đơn xác định bà Th viết thêm vào, còn viết khi nào thì bị đơn không biết. Vì thực tế bà đã trả đầy đủ cho bà Th các khoản nợ nêu trên bằng hạt tiêu khô nên không có việc hẹn bà Th đến tháng 3/2018 sẽ trả nợ như bà Th trình bày. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền gốc là 23.000.000 đồng, bị đơn không đồng ý.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin phát biểu:

Thẩm quyền thụ lý vụ án: Đây là vụ án *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vấn đề thu thập chứng cứ: Lấy lời khai của nguyên đơn, đối chất đúng theo quy định tại Điều 97, 98 và 100 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và chuyển cho Viện kiểm sát đúng theo quy định từ Điều 170 đến 175 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết là HĐXX), Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn cơ bản đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm, đường lối xử lý đối với vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện đề nghị bị đơn trả tổng cộng 23.000.000 đồng tiền gốc đã vay, không yêu cầu lãi suất và cung cấp chứng cứ là " giấy vay nợ"

Bị đơn xác nhận có vay của nguyên đơn số tiền gốc tổng cộng là 23.000.000 đồng hẹn 03 đến 04 ngày sau trả chứ không phải hẹn đến tháng 3/2018 và bị đơn đã trả cho nguyên đơn bằng hạt tiêu khô. Bị đơn cũng xác định "giấy vay tiền" mà nguyên đơn dùng làm căn cứ khởi kiện là bị đơn có ký xác nhận trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Khi bị đơn trả cho nguyên đơn thì do quen biết hàng xóm nên hai bên không viết giấy tờ gì cho việc trả này nên không đủ cơ sở để xem

xét, do đó buộc bị đơn phải có trách nhiệm thực hiện theo thỏa thuận đã được ghi trong giấy vay tiền.

Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị T có trách nhiệm trả cho bà Th, ông Ph số tiền 23.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét việc tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn liên quan đến giao dịch dân sự về vay tài sản, do đó đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thôn 08, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

Theo "giấy vay tiền" nguyên đơn dùng làm căn cứ khởi kiện và đã giao nộp cho Tòa án, (bút lục 23) và các lời khai của nguyên đơn, bị đơn qua các lần tham gia tố tụng và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bà Lê Thị T có vay của bà Nguyễn Thị Th với tổng cộng số tiền 23.000.000 đồng qua các lần vay như sau: Ngày 24/01/2017, vay số tiền 12.000.000 đồng chia làm hai lần; lần 1 vay 5.000.000 đồng, lần 2 vay 7.000.000 đồng. Ngày 26/01/2017 vay số tiền 4.000.000 đồng và ngày 22/02/2017 vay số tiền 7.000.000 đồng, thời hạn trả của các lần vay là 03 đến 04 ngày sau khi vay. Tuy nhiên đến hạn nhưng bị đơn vẫn không thanh toán cho nguyên đơn số tiền đã vay là vi phạm sự thỏa thuận giữa các bên, vi phạm nguyên tắc thực hiện hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn có quyền khởi kiện vụ án theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị T thừa nhận có vay của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Hữu Ph số tiền tổng cộng là 23.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả của các lần vay là 03 đến 04 ngày và khẳng định khi vay tiền nguyên đơn có viết cho bị đơn 01 giấy vay mượn tiền trong đó có thể hiện ngày 24/01/2017 vay số tiền là 12.000.000 đồng chia làm hai lần; lần 1 vay 5.000.000 đồng, lần 2 vay 7.000.000 đồng, ngày 26/01/2017 vay số tiền 4.000.000 đồng và ngày 22/02/2017 vay số tiền 7.000.000 đồng và bị đơn có ký xác nhận bên dưới trong trạng thái tinh thần minh mẫn, không bị ai ép buộc, nhưng cho rằng các khoản nợ vay này đã trả cho nguyên đơn bằng hạt tiêu khô, do có sự tin tưởng nhau, nên mỗi lần trả hai bên không lập giấy biên nhận gì cho việc trả này, vì vậy bị đơn không xuất trình, cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc đã trả, không có yêu cầu gì về nội dung tranh chấp đối với nguyên đơn. Về phía nguyên đơn không thừa nhận việc trả nợ như bị đơn trình bày.

Căn cứ "giấy vay tiền" nguyên đơn dùng làm chứng cứ khởi kiện và lời khai của các đương sự, HĐXX xác định ngày 24/01/2017 bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 12.000.000 đồng chia làm hai lần; lần 1 vay 5.000.000 đồng, lần 2 vay 7.000.000 đồng; ngày 26/01/2017 vay số tiền 4.000.000 đồng và ngày 22/02/2017 vay số tiền 7.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả của các lần vay là 03 đến 04 ngày sau khi vay. Tuy nhiên đến hạn nhưng bị đơn vẫn không thanh toán cho nguyên đơn, bị đơn cho rằng đã trả toàn bộ các khoản vay cho nguyên đơn bằng hạt tiêu khô nhưng không xuất trình được chứng cứ để chứng minh nên HĐXX không có căn cứ để xem xét giải quyết. Căn cứ vào các điều 93, 94, 95, 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 HĐXX cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Lê Thị T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Hữu Ph số tiền đã vay tổng cộng là 23.000.000 đồng.

Đối với nội dung về thời hạn trả nợ là "hẹn tới tháng 3/2018 sẽ trả" trong giấy vay tiền (bút lục số 23), nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận là nguyên đơn viết thêm vào sau khi đã thực hiện xong các lần vay tiền, hai bên đều xác định thời hạn trả nợ là 03 đến 04 ngày sau trả, mặt khác nguyên đơn chỉ yêu cầu trả số tiền gốc, không yêu cầu tiền lãi nên HĐXX không xem xét về thời hạn trả nợ này.

[3] Đối với các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, HĐXX xét thấy có cơ sở và có căn cứ.

[4] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết là: 23.000.000 đồng x 5% = 1.150.000 đồng, nhưng bị đơn thuộc trường hợp hộ cận nghèo nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết này. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 93, 94, 95, 96, 144, 147, 186, 203, 220, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 47, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Th.

Buộc bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Th số tiền 23.000.000 đồng *(hai mươi ba triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Miễn nộp toàn bộ số tiền án phí cho bà Lê Thị T.

Ông Nguyễn Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 575.000 đồng *(năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0001396 ngày 07 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

VĂN CÔNG CƯỜNG

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VĂN CÔNG CƯỜNG